TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GD** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành
2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 853/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990, (có mặt),

Địa chỉ: Tổ 13 ấp BM, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm: 1988, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 25, ấp XM2, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-12-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2012, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền, 01 tấm lắc, nhẫn cưới, tất cả là vàng 24k không biết bao nhiêu, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp XM2, xã TP, huyện GD. Vợ chồng sống đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, do anh T1 đi làm không đủ tiền chi phí, chị cằn nhằn thì anh đánh chị, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, từ đó anh T1 vẫn lên xuống với chị, cũng có phụ tiền chị nuôi con, mà mỗi lần anh T1 xuống nhà thăm con thì anh kiếm chuyện chưởi mắng chị. Đến Tết năm

2017 anh T1 kiếm chuyện đánh chị, vợ chồng cải vã nhau, cha mẹ chị có la rầy thì anh T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở luôn. Tháng 6-2018 anh T1 có cho chị 6.000.000 đồng, chị lấy mua vàng cho con đeo, thì anh T1 kiếm chuyện chưởi mắng chị và anh lấy hết 03 chỉ vàng lại bỏ về nhà cha mẹ ruột ở luôn, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm nhau từ tháng 12-2017. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh T1;

- *Về con chung*: Có 02 con tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 09-02-2013 và Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 25-4-2016, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng;

- *Về T1 sản chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết;

- *Về nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh, nhưng do anh làm có cho bạn mượn tiền, thì vợ có chưởi anh ngu và đánh anh xong bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, thời gian này anh cũng về nhà cha mẹ vợ ở luôn, anh làm lãnh tiền đưa vợ mua cho anh sợi dây chuyền đeo, nhưng vợ không mua, mà mua cho vợ đeo, anh nói thì vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau, thì cha mẹ vợ đến chưởi mắng anh, nên anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân từ tháng 12-2017. Nay vợ xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì:

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 09-02-2013 và Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 25-4-2016, hiện vợ đang nuôi; Anh yêu cầu nuôi 02 cháu.

Về T1 sản chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên P biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị T, anh T1 đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1; về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục 02 cháu, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng; về T1 sản chung và về nợ chung: Chị T và anh T1 khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T1 liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn, theo chị T thì do anh T1 làm không đủ tiền chi phí, chị nói thì anh đánh chị, nên chị về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2016, anh T1 vẫn lên xuống với chị, phụ tiền chị nuôi con và cũng có kiếm chuyện chưởi mắng chị. Đến Tết năm 2017 vợ chồng cải vã nhau, anh T1 đánh chị, cha mẹ chị có la rầy thì anh T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở luôn. Tháng 6-2018 anh T1 có cho chị 6.000.000 đồng, chị lấy mua vàng cho con đeo, thì anh T1 chưởi mắng và lấy hết 03 chỉ vàng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân từ tháng 12-2017.

Theo anh T1 là do anh làm có cho bạn mượn tiền, thì vợ có chưởi anh ngu và đánh anh xong bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, thời gian này anh cũng về nhà cha mẹ vợ ở. Anh làm lãnh tiền đưa vợ mua cho anh sợi dây chuyền đeo, nhưng vợ không mua, mà mua cho vợ đeo, anh nói thì vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau, thì cha mẹ vợ đến chưởi mắng anh, nên anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ tháng 12-2017. Nay vợ xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con. Ngày 20-12-2018 Tòa án mời anh, chị đến tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, sau khi kết thúc biên bản hòa giải, anh không ký tên biên bản mà bỏ ra về. Sau đó Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt.

Xét thấy, mâu thuẫn của hai anh chị xảy ra liên tục từ năm 2016, nhiều lần anh chị sống ly thân rồi ở lại, đến tháng 12-2017 xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng và giữa anh T1 với cha mẹ vợ, nên anh T1 bỏ đi, vợ chồng ly thân đến nay. Tòa án mời anh, chị đến tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải nhiều lần, nhưng anh T1 vẫn không đến, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh T1 khai có 02 con tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 09-02-2013 và Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 25-4-2016, hiện chị T đang nuôi. Nay chị T yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T1 nếu có ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 con. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay chị T đã nuôi 02 cháu khỏe mạnh, ổn định, các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nên cần giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu P, Tuyền là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về T1 sản chung* và *về nợ chung* Chị T và anh T1 khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Thành T1. Chị T được ly hôn với anh T1.

2. *Về con chung*: Giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 09-02-2013 và Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 25-4-2016. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và về nợ chung:* Chị T và anh T1 khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị T chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0008455 ngày 12-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An